

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 28-3-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Tâm Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Thanh Liêm;  
bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:** ông Lê Trần Long- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 806/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Phạm Thúy L, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thúy L trình bày: chị L chung sống với anh D, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày đăng ký 20/6/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 11/8/2014, Nguyễn Như N, sinh ngày 09/9/2020.

Vợ chồng không có ngày nào sinh sống ở huyện C, cả hai cùng lên thành phố Hồ Chí Minh để tạo điều kiện làm thuê. Đến ngày về quê, vợ chồng trở về sinh sống tại quê chị L (huyện A, tỉnh Kiên Giang).

Cách đây 01 năm, anh D có nói đi kiếm việc làm và hứa sẽ gửi tiền về chăm lo cho con. Tuy nhiên, anh D chỉ gửi tiền được 03 tháng đầu rồi từ đó

không gửi tiền nữa. Đang là vợ chồng, có hôn thú đang hoàng nhưng trong 01 năm dài, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết, anh **D** cũng không có về nhà sống chung với chị **L** được ngày nào, chỉ hỏi thăm con thông qua cuộc gọi điện thoại.

Vì vậy, chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **D**, yêu cầu trực tiếp nuôi con do con đang sống chung với chị **L**, không yêu cầu cấp dưỡng cho con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*Tại phiên tòa:* chị **L** giữ nguyên khởi kiện về ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi con; Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: anh **D** đi làm rồi ngoại tình với người khác, chị **L** gọi điện thoại cho anh **D** thì có người phụ nữ lạ tiếp cuộc gọi.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: vợ chồng mâu thuẫn từ việc bất đồng quan điểm sống, anh **D** không quan tâm chị **L**, từ khi chị **L** gửi đơn khởi kiện ly hôn, anh **D** cũng không có ý kiến cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, chị **L** xác định không còn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung Nguyễn Thị Như Ý và Nguyễn Như N đang sống chung với chị **L**, cháu Ý đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị **L**. Mặt khác, thời gian vợ chồng sống ly thân, chị **L** trực tiếp nuôi con phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận khởi kiện của chị **L** về yêu cầu ly hôn đối với anh **D**; Căn giao cháu Nguyễn Thị Như Ý và Nguyễn Như N cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Chị **L** không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị **L** có đơn khởi kiện đối với anh **D** về yêu cầu ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi con. Anh **D** có địa chỉ cư trú tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang**. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **L** và anh **D** là vợ chồng hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị **L** cho rằng “*quá trình chung sống, anh **D** đi làm không quan tâm cuộc sống vợ, con rồi từ đó vợ chồng sống ly thân*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xem xét chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị **L**, anh **D** theo lời khai của chị **L**, biên bản xác minh ngày 11/01/2024 tại **Ban N1** do Tòa án thu thập, cho thấy vợ chồng chị **L**, anh **D** không sống chung với nhau khoảng 03 năm nay tại **ấp T, xã T**, không rõ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gì.

[3] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D** nhằm tạo điều kiện, tổ chức hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **D** không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do thì xem như anh **D** bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo yêu cầu ly hôn của chị **L**. Bên cạnh đó, chị **L** vẫn không muốn sống chung với anh **D**.

[4] Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị **L** và anh **D** đã có xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Từ ngày sống ly thân, anh **D** không còn quan tâm chị **L**, xem như vợ chồng bỏ mặc nhau. Điều này, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **L** yêu cầu ly hôn với anh **D** là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận khởi kiện của chị **L** về yêu cầu ly hôn với anh **D**.

[5] Khi ly hôn, chị **L** có yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Như Ý, **Nguyễn Như N** đang sống chung với chị **L**. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xem xét ý kiến của trẻ Nguyễn Thị Như Ý thì thấy trẻ thích sống chung với chị **L** do trẻ đang đi học gần nhà ngoại. Mặt khác, anh **D** không có ý kiến tranh chấp về nuôi con.

[6] Như vậy, trẻ Nguyễn Thị Như Ý, **Nguyễn Như N** sống ổn định với chị **L** trong thời gian vợ chồng sống ly thân, được chị **L** quan tâm, chăm sóc tốt, quyền lợi của 02 trẻ được bảo đảm. Chị **L** yêu cầu trực tiếp nuôi con là có căn cứ, phù hợp nguyện vọng của trẻ. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị **L**, giao con Nguyễn Thị Như Ý và **Nguyễn Như N** cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, anh **D** vẫn còn quyền, nghĩa vụ của cha đối với con nên chị **L** phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh **D** thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Chị **L** không yêu cầu cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí sơ thẩm: chị **L** phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn chị **Phạm Thúy L** đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn D**;

Chị **Phạm Thúy L** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn D**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày đăng ký 20/6/2013 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp cho chị **L** và anh **D** không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao con Nguyễn Thị Như Ý, sinh ngày 11/8/2014, **Nguyễn Như N**, sinh ngày 09/9/2020 cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con; Anh **D** không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: chị **Phạm Thúy L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014722 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Chị **L** có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh **D** vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Tâm Nhân**